

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-PT.

Ngày 23 - 02 – 2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLPT - DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐ - PT ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 66C, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Bùi Kim Th, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 15, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2020, có mặt).

2. Ông Võ Tuấn V, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 180, khóm P, phường T, thành phố V, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021, có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Hồ N, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 70/78, đường T, khóm 2, phường 4, thành phố V, tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên L (gọi tắt Công ty L); người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Duy V; chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1/1, đường L, phường 2, thành phố V, tỉnh V.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 66A, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/02/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Vào ngày 23/10/2013, bà L và mẹ ruột là bà Th có đến Văn phòng Luật sư T L gặp Luật sư Phan Duy V tư vấn pháp luật, đồng thời yêu cầu ông V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L trong vụ kiện do nguyên đơn bà Hồ Thị Đ khởi kiện bị đơn bà L. Sau khi nghe bà Th, bà L trình bày, cũng như xem xét hồ sơ khởi kiện các bên đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 23/10/2013, thỏa thuận ông V thay mặt bà L tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong vụ án tranh chấp với bà Đ; chi phí là 40.000.000 đồng, số tiền này sẽ được thanh toán sau khi bà L được nhận số tiền giải tỏa đền bù đối với phần diện tích đất tranh chấp, trường hợp nếu bà L thua kiện thì không phải trả cho ông V

số tiền này. Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên, ông V không tham gia mà giao cho ông N là Luật sư cộng sự của Văn phòng Luật sư T L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền trong vụ kiện tranh chấp nêu trên, chi phí ông N tham gia tố tụng giống như chi phí đã thỏa thuận với ông V. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L, bà Th đều tham gia tố tụng, tại cấp sơ thẩm. Bà L không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố do đó đã kháng cáo. Khi tham gia tại cấp phúc thẩm ông N yêu cầu ứng trước số tiền 10.000.000 đồng trong tổng số tiền chi phí đã thỏa thuận và hứa sẽ thắng kiện. Tuy nhiên, bà L chỉ được nhận phần đất diện tích 84,1m² tọa lạc tại khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V.

Không đồng ý với nội dung bản án của Tòa án cấp phúc thẩm, bà L đã làm đơn khiếu nại giám đốc thẩm nhiều lần và được trả lời tại Thông báo số 14/TB-VC3 ngày 30/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trả lời không chấp nhận khiếu nại của bà L và có viện dẫn nội dung: Tài sản tranh chấp là thửa đất số 43, 44, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại số 66C, khóm V, phường T, thành phố V là di sản thừa kế của bà Hồ Thị Đ và các đồng thừa kế của bà Đ, bà Đ chỉ là người được các đồng thừa kế chỉ định cho quản lý, sử dụng nhưng không có quyền định đoạt toàn bộ số tài sản trên khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Trong trường hợp này chỉ phần tài sản của ông T mới vô hiệu, còn phần tài sản của bà Đ tặng cho bà L vẫn có hiệu lực vì hợp đồng đã được địa phương chứng thực. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà L tự nguyện trao trả toàn bộ nhà đất được tặng cho chỉ yêu cầu nhận một phần đất diện tích 86,7m² thuộc một phần thửa 43, thửa 44, do đó Tòa phúc thẩm chấp nhận sự tự nguyện này. Mặc khác, trong một lần về tham dự đám giỗ của gia đình, ông T là một trong những người liên quan (con ruột bà Đ) trong vụ án trước đây nhậu say đã nói cho chồng của bà Th biết việc ông N đã bắt tay thỏa thuận với phía bên bà Đ gây thiệt hại cho bên phía bà L.

Nay ông V, bà Th đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu ông N phải trả lại cho bà L giá trị tài sản mà bà Đ đã tặng cho hợp pháp bằng $\frac{1}{2}$ giá trị đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 43, tờ bản đồ 33, diện tích 1.484,8m² tọa lạc tại khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V theo giá nhà nước là 270.000 đồng/m² (270.000 đồng x 742,4m² (1.484,8m² : 2)) = 200.448.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Hồ N trình bày:

Ông N thông nhất với ý kiến của ông V, bà Th đã trình bày về ngày ký văn bản ủy quyền, chi phí thỏa thuận về việc đại diện cho bà L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà L trong vụ án tranh chấp với bà Đ. Ông N không đồng ý với yêu cầu của ông V, bà Th đại diện cho bà L. Vì trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ, phúc thẩm ông cũng đã tư vấn, giải thích cho bà L biết các quyền lợi để bà L lựa chọn và cũng đề tôn trọng ý kiến của người ủy quyền nên ông có đề nghị bà L trực tiếp trình bày ý kiến xác định yêu cầu của mình để Hội đồng xét xử xem xét. Theo quyết định tại Bản án phúc thẩm số: 05/2017/DS-PT ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh V bà L, ông M được nhận phần đất diện tích 84,1m² tọa lạc tại khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V nên thực tế bà L đã được Tòa án xem xét chấp nhận một phần, không phải thua toàn bộ như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc bà L yêu cầu ông bồi thường số tiền 200.448.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên L (gọi tắt là Công ty L) trình bày:

Vào ngày 23/10/2013, Văn phòng Luật sư L ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với bà L về việc tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ủy quyền cho bà L trong vụ kiện tranh chấp với bà Đ. Sau khi ký hợp đồng, Văn phòng Luật sư L đã giao lại hồ sơ cho ông N thực hiện, trực tiếp ký văn bản ủy quyền cũng như tự chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với vụ án của bà L. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu ông N phải bồi thường số tiền 200.448.000 đồng không liên quan đến Công ty L và Công ty cũng không chịu trách nhiệm gì đối với vụ án của bà L tranh chấp với bà Đ.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T là chú ruột của bà L. Vào khoảng tháng 02/2021, ông T có về dự đám cưới ông nội tên Nguyễn Văn T, tại đám giỗ ông có gặp ông C và ngồi nhậu chung, sau khi nhậu xong thì anh em ông chia tay nhau để ra về, ông T xác định trong quá trình nhậu với ông C chưa có lần nào nói với ông C về việc ông N "cố tình không bảo vệ cho bà L, dạy cho bà L trình bày những điều bất lợi dẫn đến thua kiện", bởi vì từ trước đến nay ông T không có lần nào tiếp xúc với ông N, ngay cả hình dáng của ông N như thế nào ông còn không nhớ được và trong vụ án trước đây ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà L có quyền lợi đối lập lợi ích với mẹ ruột của ông nên ông T không có lần nào nói chuyện hay tiếp xúc với ông N và cũng không biết ông N là ai. Do đó,

việc bà L cho rằng ông đã nói như vậy thì bà L phải tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh V

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Hồ N phải trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp thuộc thửa 43, tờ bản đồ 33, diện tích $1.484,8m^2$, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V là 200.448.000 đồng (Hai trăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/11/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn phải trả cho bà số tiền giá trị đất mà lẽ ra bà được nhận là $658,3m^2 \times 270.000 \text{ đồng}/m^2 = 177.741.000 \text{ đồng}$ (một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng). Chấp nhận cho bà được giảm tiền án phí vì hoàn cảnh gia đình và dịch bệnh làm cho bà lâm vào hoàn cảnh bất khả kháng không thể có khả năng đóng tiền án phí.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L là ông Võ Tuấn V và bà Bùi Kim Th vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của bà L.

Bị đơn ông Trần Hồ N không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi

thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V. Buộc bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục*: Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên án ngày 16/11/2021, đến ngày 29/11/2021 bà Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà L còn trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện người đại diện ủy quyền của bà là ông Trần Hồ N yêu cầu bồi thường thiệt hại do người đại diện ủy quyền gây ra. Tại cấp sơ thẩm, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

- *Về nội dung*:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.

Tại hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2013 nội dung thỏa thuận thể hiện tại điểm 3 mục II có ghi: “*Mọi ý kiến của bên nhận ủy quyền được coi*

là ý kiến của bên ủy quyền và có giá trị quyết định”. Như vậy việc người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Trần Hồ N trình bày ý kiến tại phiên tòa là theo ý chí của bà L và ý kiến trình bày của ông N có giá trị.

Mặc khác, tại Bản án dân sự số: 05/2017/DS-PT ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh V thể hiện bà L có mặt tại phiên tòa và bà L trình bày tự nguyện giao trả quyền sử dụng đất cho bà Đ, bà Loan chỉ yêu cầu được nhận diện tích 84,1m² nên được cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này. Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/01/2017 bà L nghe, hiểu rõ quy định pháp luật và tự nguyện thỏa thuận với bà Đ. Việc thỏa thuận tại phiên tòa với phía bà Đ là xuất phát từ ý chí tự nguyện và không bị ai ép buộc vì vậy bà L cho rằng người đại diện ủy quyền của bà là ông N đã gây ra thiệt hại khi thực hiện ủy quyền là chưa có căn cứ. Cho nên xét việc, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông N trả cho bà L giá trị đất 658,3m² x 270.000 đồng/m² = 177.741.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng) là không có căn cứ chấp nhận.

Xét, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo yêu cầu giảm tiền án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn không có tiền nộp án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp*”. Đối chiếu với quy định này thì bà L không thuộc đối tượng được giảm tiền án phí.

[2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày

16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên buộc người kháng cáo bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh V.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 13, khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Hồ N phải trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp thuộc thửa 43, tờ bản đồ 33, diện tích 1.484,8m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh V giá trị là 200.448.000 đồng (hai trăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo lai thu 0000858 ngày 06/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà L không phải nộp thêm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKS CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND TP V: 01b;
- Chi cục THADS TP V: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường